

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN, TỈNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/01/2025 của UBND huyện Phước Sơn)
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện quyết định)

Dvt: Triệu đồng

ST T	Tên dự án, công trình	Mã DA	Địa điểm xây dựng	Năm ĐT	Tổng mức đầu tư được duyet			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Kế hoạch vốn 2025						
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng	NS tỉnh	Ngân sách huyện				
						NS Tỉnh	NS huyện, khác		NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện			Trong đó				
														Nguồn XDCB TT	Thu sử dụng đất	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	Nguồn SNKT (KTTC)	
	TỔNG SỐ				886.042	600.412	285.630	357.398	25.000	236.124	96.274	144.929	33.574	21.681	1.500	68.174	20.000	
A	Công trình chuyển tiếp, thanh toán nợ				874.571	600.412	274.159	357.398	25.000	236.124	96.274	114.463	33.574	6.215	1.500	53.174	20.000	
I	XDCB Tập trung				215.141	15.300	199.841	76.204	0	0	76.204	68.389	0	6.215	1.500	40.674	20.000	
1	Trụ sở và hội trường UBND xã Phước Hòa	8015976	Phước Hòa	2023	11.000		11.000	7.650			7.650	1.988				1.988		
2	Trụ sở và hội trường UBND xã Phước Công	8012909	Phước Công	2023	7.500		7.500	5.034			5.034	1.945				1.945		
3	Khu Tái định cư, bố trí dân cư xã Phước Hiệp	8015825	Phước Hiệp	2023	12.000		12.000	8.160			8.160	3.033				3.033		
4	Khu giãn dân thôn Lao Mưng xã Phước Xuân; Hạng mục: San nền, gia cố taluy, đường giao thông, hệ thống thoát nước, nước sinh hoạt, hệ thống điện	8023172	Phước Xuân	2023	12.000		12.000	7.666			7.666	3.222		2.836		386		
5	Nâng cấp, cải tạo đường Huỳnh Thúc Kháng	8038646	TT Khâm Đức	2023	12.000	5.300	6.700	10.300			10.300	979		979				
6	Khu tái định cư thôn 2 Phước Thành	8039459	Phước Thành	2023	19.488		19.488	9.022			9.022	10.133		2.400		7.733		
7	Trường mẫu giáo Sơn Ca (điểm thôn Lao Mưng) xã Phước Xuân	8049275	Phước Xuân	2023	7.000		7.000	5.272			5.272	705				705		
8	Di dời đường dây điện thuộc phạm vi GPMB của dự án Nâng cấp quốc lộ 14E đoạn qua huyện Phước Sơn	8061813	Phước Hiệp- Phước Hòa	2023	1.200		1.200	1.100			1.100	0						
9	Điện chiếu sáng Quốc lộ 14 E đoạn qua huyện Phước Sơn	8071043	liên xã	2024	12.803	10.000	2.803	10.000			10.000	0						

10	Xây mới trụ sở UBND xã Phước Đức	8080739	Phước Đức	2024	35.400		35.400	2.100			2.100	4.900				4.900	
11	Cải tạo cảnh quan Hồ Mùa Thu	8049643	TT Khâm Đức	2024	50.000		50.000	1.400			1.400	16.831				7.331	9.500
12	Trường THCS Lý Tự Trọng	8050890	TT Khâm Đức	2024	10.000		10.000	3.000			3.000	7.000			1.500	3.200	2.300
13	Bảng thông tin điện tử ngoài trời	8097863	TT Khâm Đức	2024	2.000		2.000	1.500			1.500	500					500
14	Khu giết mổ gia súc tập trung TT Khâm Đức		TT Khâm Đức	2024	13.750		13.750	0				12.153				6.453	5.700
15	Trường mầm non Ánh Hồng Khâm Đức	8097327	TT Khâm Đức	2024	4.500		4.500	2.000			2.000	2.500				500	2.000
16	Trường TH&THCS xã Phước Hòa	8088085	Phước Hòa	2024	4.500		4.500	2.000			2.000	2.500				2.500	
II	Công trình NS TW, tỉnh hỗ trợ đầu tư				659.430	585.112	74.318	281.194	25.000	236.124	20.070	46.074	33.574	0	0	12.500	0
1	Đường giao thông nối xã Phước Năng - Phước Chánh	7906488	Liên xã	2021	90.000	81.000	9.000	13.883		13.156	727	2.000				2.000	
2	Cầu Đăk mét, xã Phước Lộc	7906656	Phước Lộc	2021	39.985	39.985		27.500		27.500		5.000	5.000				
3	Đường giao thông vào vùng được liệu xã Phước Thành	7894426	Phước Thành	2021	13.580	12.130	1.450	10.951		10.446	505	0					
4	Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH1.PS (đoạn Phước Kim - Phước Thành)	7912265	Liên xã	2021	150.000	135.000	15.000	81.906	25.000	56.897	9	2.000				2.000	
5	Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH2.PS (đoạn Phước Thành - Phước Lộc)	7912314	Liên Xã	2021	152.000	137.000	15.000	65.919		61.990	3.929	2.000				2.000	
6	Đường ĐH5.PS (đoạn Phước Công - Phước Lộc)	7912184	Phước Công - Phước. Lộc	2021	90.000	90.000		27.793		27.793		0					
7	Kè Sông Trường (đoạn qua xã Phước Hòa và Phước Hiệp)	7949423	Liên xã	2022	70.000	56.000	14.000	34.000		30.000	4.000	2.000				2.000	
8	Trụ sở Công an xã Phước Năng	8013162	Phước Năng	2023	5.150	3.520	1.630	4.120		2.420	1.700	0					
9	Nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện Phước Sơn	8078186	TT Khâm Đức	2024	3.000	1.400	1.600	2.100		1.300	800	500				500	
10	Trụ sở công an xã				45.715	29.077	16.638	13.022	0	4.622	8.400	16.000	12.000			4.000	
	- Công an huyện												5.400			2.000	
	- Ban quản lý DA ĐTXD&PT quỹ đất												6.600			2.000	
11	Dự án liên kết/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết thuộc UBND cấp huyện phê duyệt											1.200	1.200				
12	Nghị quyết về đề án kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025											13.342	13.342				

13	Nghị quyết về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2025											2.000	2.000				
14	Dự án trồng cây phân tán và trồng rừng tập trung Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Phước Sơn											32	32				
B	Công trình khởi công mới				11.471	0	11.471	0	0	0	0	8.000	0	8.000	0	0	0
1	Xây mới Trụ sở làm việc, nhà công vụ UBND xã Phước Lộc		Phước Lộc	2025	11.471		11.471					8.000		8.000			
C	Phân cấp cho cấp xã thực hiện 02/NQ-HĐND ngày 14/4/2022 của HĐND huyện											7.466		7.466			
	UBND TT Khâm Đức											610		610			
	UBND xã Phước Đức											601		601			
	UBND xã Phước Năng											610		610			
	UBND xã Phước Mỹ											632		632			
	UBND xã Phước Chánh											655		655			
	UBND xã Phước Công											592		592			
	UBND xã Phước Kim											632		632			
	UBND xã Phước Thành											660		660			
	UBND xã Phước Lộc											619		619			
	UBND xã Phước Xuân											567		567			
	UBND xã Phước Hiệp											650		650			
	UBND xã Phước Hòa											638		638			
D	Đối ứng Chương trình MTQG, các NQ của HĐND tỉnh, thanh toán nợ...											15.000				15.000	